

THÔNG BÁO

**Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi đánh giá năng lực tiếng Việt
theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài
Kỳ thi ngày 12, 13/8/2025**

Căn cứ Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư Ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài;

Căn cứ Công văn số 1813/QLCL-QLT ngày 23/12/2022 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Thông báo số 169/TB-CĐSL ngày 30/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc Tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 11, 12/8/2025;

Căn cứ Thông báo số 247/TB-CĐSL ngày 28/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc Thay đổi thời gian tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 11, 12/8/2025 và kỳ thi ngày 04, 05/9/2025;

Trường Cao đẳng Sơn La Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 12, 13/8/2025 (có danh sách kèm theo). Các thí sinh đủ điều kiện dự thi đến tập trung tại Trường Cao đẳng Sơn La để dự thi theo thời gian cụ thể như sau:

1. Thời gian: 7h10p' ngày 12 tháng 8 năm 2025.

2. Địa điểm: Sân giảng đường B3 Trường Cao đẳng Sơn La.

Đề nghị các thí sinh đủ điều kiện dự thi đến đúng giờ theo Thông báo này./.

Nơi nhận:

Lãnh đạo trường (b/c);

Các đơn vị liên quan (t/h);

Lưu: VT, KTCL.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Long

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO
KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
KỶ THI NGÀY 12, 13/8/2025

*(Kèm theo Thông báo số 253/TB-CDL ngày 01 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)*

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ghi chú
1	SEEVILAI AJE	12/06/1990	
2	PHANAVANH AMPHAN	20/01/1984	
3	KEOPUNYA AMPHONE	24/02/1997	
4	LENGXAYYATHAM AMPHONE	18/07/1992	
5	DOUANGKHAMMY ANANH	20/05/1991	
6	LORVANHKHAM ANOUSONE	24/11/1984	
7	KHUNTHONG BAIKEO	08/02/1989	
8	PHOUMMA BOUACHANH	05/05/1986	
9	SIVILAY BOUAKHEUA	11/11/1990	
10	SAENGPHETSY BOUANE	20/06/1992	
11	DOUANGSAVANH BOUATHIENG	02/04/1992	
12	SAIYAVONG BOULIN	01/04/2002	
13	THIPNIPHON BOUNCHANH	10/11/1987	
14	CHANTHAPHONE BOUNFEUA	27/01/1992	
15	LEKKHOUN BOUNKEO	19/06/1994	
16	XAYYASIT BOUNKHAM	02/04/1983	
17	PHOUDTHAVONG BOUNKHAM	23/07/1987	
18	PHOMPANYA BOUNLERD	21/11/1986	
19	LATSACKDA BOUNLOT	04/04/1994	
20	SINLAXAY BOUNPHENG	10/11/1990	
21	KITTIVONG BOUNSAVENG	16/07/1991	
22	SOULIVONG BOUNSOUK	02/07/1992	
23	MILAVANH BOUNTA	02/09/1994	
24	INKHAM BOUNTHAPHENG	06/06/1978	
25	SOUVANNA BOUNTHONE	04/03/1986	
26	PHOUMMILATTANA BOUNYANG	18/08/1997	
27	SONEVICHAN CHANMANY	15/06/1986	
28	PASEUT CHANSENG	14/03/1984	
29	SIMOUNGKHOUN CHANTHAVONG	08/09/1986	
30	CHAIYAVONG CHANTHIDA	09/09/1991	
31	CHIN	28/11/1993	
32	VANGLAO CHOUHA	01/06/1984	
33	MAIVANH DAMPHONE	09/01/1997	

34	SOULICHAY DAVONE	29/12/1979	
35	YIAXONG DUANGCHANVUE	05/08/1984	
36	LATEXACHAK HAT	29/10/1987	
37	LAOXONGXAI HERLAO	22/03/1987	
38	VANHNASENG INPANH	22/05/1979	
39	PHIACHANSOUPHANNAVONG INXY	13/08/1997	
40	SOUAYENG KAOHAYANG	28/11/1986	
41	KEOPHENGKHAM KENKEO	06/10/1990	
42	THAMMANOLA KETPADIT	07/07/1991	
43	SIHALATH KETSANA	11/12/1980	
44	BOUNPHONESAY KHAMKEO	10/01/1989	
45	SANGANOUSONE KHAMKIENG	08/01/1994	
46	CHANHAVONGSY KHAMLAR	09/08/1994	
47	SITTHAVANH KHAMMALY	31/08/1989	
48	THAMMAVONG KHAMMANH	06/09/1979	
49	KETMANY KHAMMOUN	26/03/1986	
50	KAMMONPHAENG KHAMPHAENG	08/09/1993	
51	VENLASER KHAMPHAN	08/09/1991	
52	VAKUALEE KHAMPHAY	02/08/1988	
53	INTHAVONG KHAMSAI	09/12/1994	
54	VANGCHOUOKUA KHAMSOUK	03/05/1990	
55	PHONEXAY KHAMTHANOM	06/02/1986	
56	PANCHAVANH KHAMVANH	28/04/1990	
57	BOUNTHAVY KHAMXAY	23/12/1995	
58	DOUANGVILAIKEO KHAMXAY	04/08/1989	
59	HIENEDORCHANH KHANMANY	08/08/1989	
60	KEOVANGLATH KHONE	01/08/2000	
61	CHONGVUEVANG KOUHA	18/02/1990	
62	INTAVIXAY KOUNG	02/09/1992	
63	NAHAK LARVANH	20/05/1984	
64	SISAMLANH LAXUN	30/10/1996	
65	SIPASERTH LAYU	14/10/1995	
66	XIONG LEE	05/06/1989	
67	XORYER LENGXIONG	03/10/1986	
68	KHAMPHATHIP LEUM	01/07/1995	
69	PUNYATHONG LHAEMTHONG	23/03/1998	
70	PHONEMANICHAN LIENXAI	05/05/1988	
71	BOUTHTAKHONE MANG	08/11/1985	
72	PIXACHANH MEKSAVANH	15/05/2000	
73	CHANTHACHONE MIXAY	09/08/1990	
74	XAISAVANH NGIENG	30/10/1993	
75	KHOUNSAMAI NICKTIKOUN	05/03/1992	
76	SINGPASEUTH NINPHONE	22/12/1987	
77	PHILAVANH NONSAVARD	21/03/2001	
78	CHONGCHER NOUVANG	31/08/1989	
79	PHUONGMANY NOY	12/01/1990	

80	DOUNGpanya NOYPASERD	17/11/1989	
81	SYpAMOuan NUTTAPHON	25/11/2000	
82	SIBOUNREUANG ONECHANH	19/03/1993	
83	KHONESAVANH OUBON	10/12/1991	
84	XAIKHAM ONE OUDOM	15/05/1987	
85	VILADED PHADSAMAI	10/05/1991	
86	VILAIVONGSA PHERN	01/01/1998	
87	KEONAMFAR PHONEDUANGXAY	15/02/1987	
88	PHOTHISALATH PHONEVILAY	10/04/1983	
89	CHANThALY PHONEXAY	14/03/1989	
90	KHOUNLIVONG PHONGSAVAT	23/03/1991	
91	LEUNAMMACHACK PHOUNSOUK	20/07/1990	
92	SY AMPHONE PHOUVANH	05/03/1980	
93	THONGLANIVONG PIMPHA	14/04/1988	
94	THABOUNSOUK SALIPHONE	02/02/1991	
95	THONGSAMONE SANTISOUK	13/12/1991	
96	SAIYASONE SATHIB	12/11/1992	
97	PHUTHTHAPANYA SAYSANITH	20/09/1982	
98	VIXAYYIABITHOR SENGCHAN	11/10/1997	
99	THOUNSENGCHOY SENGKEO	10/03/1986	
100	SEDTHIPHONH SERTH	08/09/1990	
101	MOUANMANY SINSANAT	23/02/1984	
102	SENDSOULIVANH SITHON	21/11/1993	
103	KEOPANYA SITTHIPHONE	25/03/1989	
104	KHAMVONGSA SOMNUIK	11/06/1982	
105	DOUANGPASEUTH SOMSANITH	21/09/2002	
106	SYBOUNHUAANG SOMSANOOK	02/12/1993	
107	SOUKKASERM SOMSAVATH	13/04/1988	
108	XAYYAVONG SOMSOUK	27/05/1986	
109	BOUTTHONGMY SOMTAI	09/04/1988	
110	BOUNNANG SOMVANG	13/03/1991	
111	INTHAVONG SONEPHET	26/01/1991	
112	NGONEVILAY SONETHIPH	08/01/1989	
113	KHOTHAMMAT SOUAY	12/03/1988	
114	PHOSAVATH SOUDAKONE	20/11/1989	
115	SENGPATHOUMXAY SOUKAN	12/02/1993	
116	PHETPHOSY SOUKPHAVANH	01/02/1990	
117	PHONGSAVATH SOUKSAN	24/12/1995	
118	YAR SOULIVONG	06/09/1990	
119	PHEANGTHASONE SOUNIKEO	07/02/1990	
120	PHOUYVILAI SOUNTHONE	30/03/1993	
121	VANNASOUK SY	23/12/1988	
122	SOTOUKEE SYLALOR	20/03/1988	
123	SOMPASONG THAVISOUK	28/05/1982	
124	ONTHAVONG THAVISUCK	21/10/1989	
125	SINGLUEXAI THILAPHAT	29/03/1990	

126	VANG THONGKHUEM	04/06/1989	
127	BOUAYAO VANDY	14/04/1978	
128	LAOTHONGPHANH VANTHAKONE	28/08/1988	
129	VONGXAY VEOMANY	14/06/1989	
130	SISOMBAT VIENGKEO	15/09/1977	
131	CHANTHANILATH VIENGTHONG	08/08/1982	
132	MAYSONETHONG VIENGVISONE	09/03/1988	
133	YANGYONGYIA VIENGXAY	20/04/1997	
134	PHOMMEEXAY VILAISAK	04/10/1988	
135	PHIALUANG VILAKONE	05/03/1977	
136	XAIYADETH VILAYPHONE	15/08/1981	
137	SIABEU VITHIDLY	08/05/1984	
138	MINGBOUBPHA VONGPHACHAN	14/04/1991	
139	KEOTHAMMAVONG VONGPHET	07/08/1989	
140	LINPHITHAM VOOYASONE	04/01/1992	
141	HOUNGLATY XAIPASONG	16/10/1997	
142	SAVANH XAY	13/09/1987	
143	THOR XO	03/08/1993	
144	HNIACHOU XOUALOR	12/04/1982	
145	XAYDALORBEERYAO XUELOR	10/11/1994	
146	YIAYING YIAVANG	27/11/1990	
147	SENGMANY YOUNG	30/10/2001	
148	PHANHTHAMITH YOUT	09/05/1985	

Ấn định danh sách: 148 thí sinh./.